

Ngày 25 Tháng Chín 2025 / Số 38 15 Tháng Chín - 21 Tháng Chín

Hệ thống Giám sát Bệnh truyền nhiễm của Tokyo
Bệnh truyền nhiễm mà tất cả bác sỹ phải báo cáo
Bác sỹ phải báo cáo phát sinh bệnh cho Trung tâm Chăm sóc Sức khỏe.
Trung tâm Chăm sóc Sức khỏe báo cáo từng trường hợp riêng biệt lên
Trung tâm Thông tin Bệnh truyền nhiễm thủ đô Tokyo.
Bệnh truyền nhiễm được báo cáo bởi cơ quan y tế được chỉ định
Trạm xá và bệnh viện được chỉ định sẽ báo cáo số lượng bệnh nhân đến
khám cho Trung tâm Chăm sóc Sức khỏe mỗi tuần. Trung tâm Chăm sóc
Sức khỏe sẽ báo cáo số lượng bệnh nhân cho Trung tâm Thông tin Bệnh
truyền nhiễm thủ đô Tokyo. Trong thủ đô Tokyo có khoảng 500 trạm xá
và bệnh viện được chỉ định.

Bệnh thuộc đối tượng nắm rõ tất cả số lượng

thể loại	Bệnh tật	Diseases	Tokyo				
			Tuần 35	Tuần 36	Tuần 37	Tuần 38	Tích lũy năm 2025
I	Sốt xuất huyết Ebola	Ebola hemorrhagic fever					
	Sốt xuất huyết Crimean-Congo	Crimean-Congo hemorrhagic fever					
	Đậu mùa	Smallpox					
	Sốt xuất huyết Nam Mỹ	South American hemorrhagic fever					
	Dịch hạch	Plague					
	Bệnh Marburg	Marburg disease					
II	Sốt Lassa	Lassa fever					
	Bại liệt	Acute poliomyelitis					
	Lao	Tuberculosis	42	37	46	29	1,404
	Bạch hầu	Diphtheria					
	Hội chứng hô hấp cấp tính nặng (SARS)	Severe Acute Respiratory Syndrome (SARS)					
	Hội chứng hô hấp Trung Đông (MERS)	Middle East Respiratory Syndrome (MERS)					
III	Cúm gia cầm H5N1	Avian influenza H5N1					
	Cúm gia cầm H7N9	Avian influenza H7N9					
	Bệnh tả	Cholera					
	Kiết lỵ	Shigellosis				1	10
	Bệnh nhiễm khuẩn E.coli	Enterohemorrhagic Escherichia coli infection	23	22	17	13	323
	Thương hàn	Typhoid fever		2			5
IV	Phổ thương hàn	Paratyphoid fever	1				4
	Viêm gan E	Hepatitis E	2	1	1	1	107
	Sốt siêu vi trùng West Nile	West Nile fever					
	Viêm gan A	Hepatitis A		1			13
	Bệnh sán chó	Echinococcosis					2
	Mpox	Mpox					2
	Sốt vàng	Yellow fever					
	Bệnh vi-rút vẹt	Psittacosis					1
	Sốt xuất huyết Omsk	Omsk hemorrhagic fever					
	Sốt hồi quy	Relapsing fever					
	Bệnh nhiễm vi-rút rừng Kyzasanur	Kyzasanur forest disease					
	Sốt Q	Q fever					
	Bệnh chó dại	Rabies					
	Bệnh nấm Coccidioidomycosi	Coccidioidomycosis					1
	Bệnh nhiễm vi-rút Zika	Zika virus infection					
	Hội chứng sốt giảm tiểu cầu Số lượng	Severe Fever with Thrombocytopenia Syndrome					
	Sốt xuất huyết kèm theo suy thận do vi-rút Hanta	Hemorrhagic fever with renal syndrome					
	Viêm não ngựa miền Tây	Western equine encephalitis					
	Viêm não do ve truyền	Tick-borne encephalitis					
	Bệnh than	Anthrax					
	Sốt Chikungunya	Chikungunya fever					2
	Bệnh sốt ve mò	Scrub typhus (Tsutsugamushi disease)					5
	Sốt xuất huyết Dengue	Dengue fever	1		2	1	38
	Viêm não ngựa miền Đông	Eastern equine encephalitis					
	Cúm gia cầm (trừ H5N1, H7N9)	Avian influenza (excluding H5N1 and H7N9)					
	Bệnh nhiễm vi-rút Nipah	Nipah virus infection					
	Viêm màng não tủy Nhật Bản	Japanese spotted fever					
	Viêm não Nhật Bản	Japanese encephalitis					
	Hội chứng suy thận do vi-rút Hanta	Hantavirus pulmonary syndrome					
	Bệnh vi-rút B	Herpes B virus infection					
	Bệnh loét mũi truyền nhiễm	Glanders					
	Bệnh do Brucella	Brucellosis					
	Viêm não tủy ngựa	Venezuelan equine encephalitis					
	Bệnh lây nhiễm vi-rút Hendra	Hendra virus infection					
	Sốt phát ban	Epidemic typhus					
	Nhiễm Clostridium Botulinum	Botulism					
	Sốt rét	Malaria					7
	Bệnh Tularemia	Tularemia					
	Bệnh Lyme	Lyme disease					1
	Nhiễm vi-rút Lyssa	Lyssavirus infection (excluding rabies)					
	Sốt thung lũng Rift	Rift valley fever					
	Bệnh Melioidosis	Melioidosis					
	Bệnh Legionella	Legionellosis	6	1	3	6	127
	Bệnh xoắn khuẩn vàng da	Leptospirosis		1			2
	Sốt phát ban Rocky Mountain	Rocky mountain spotted fever					

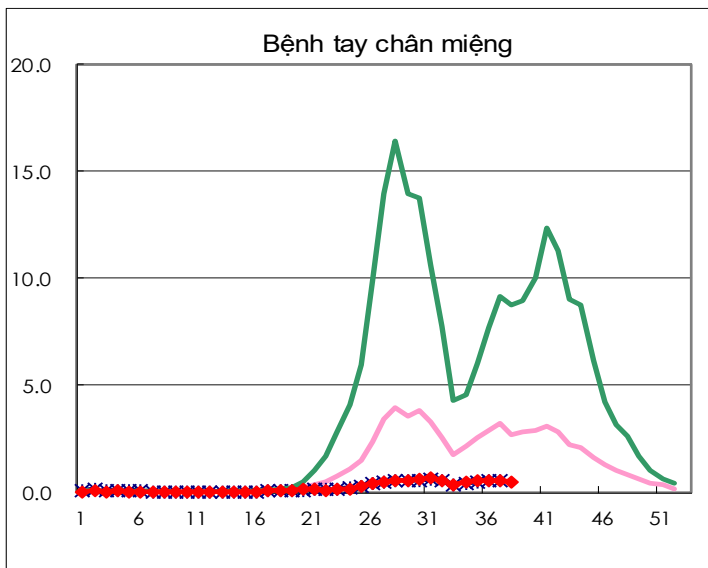
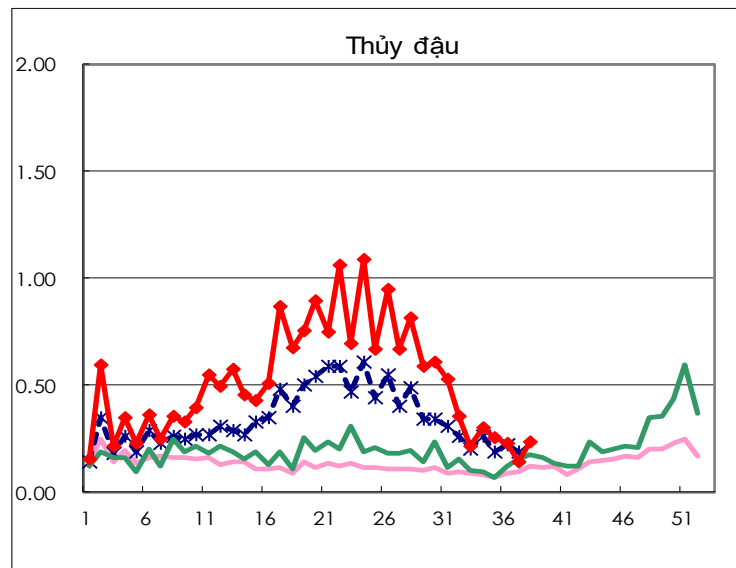
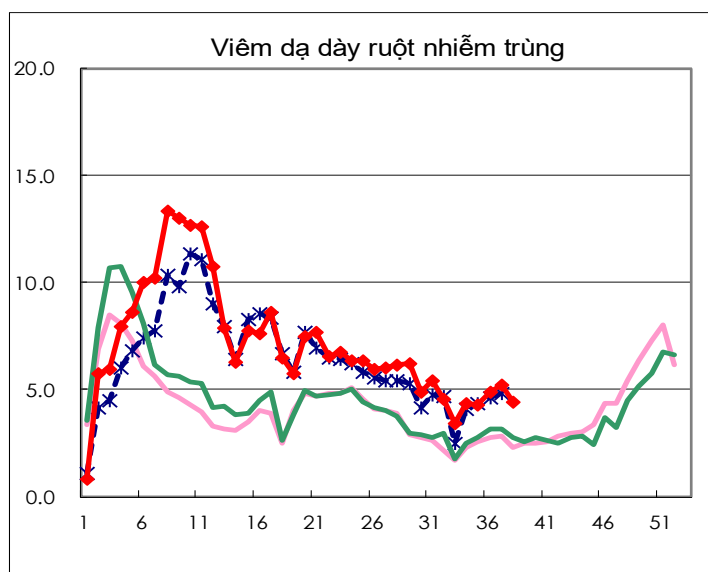
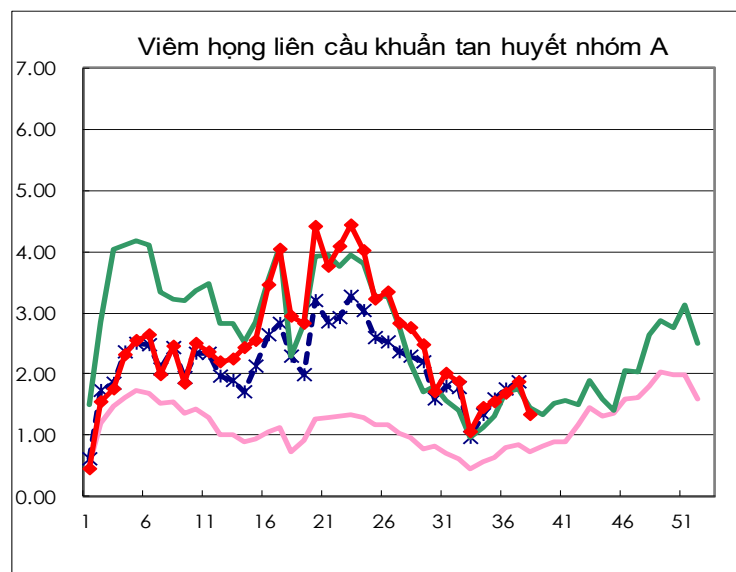
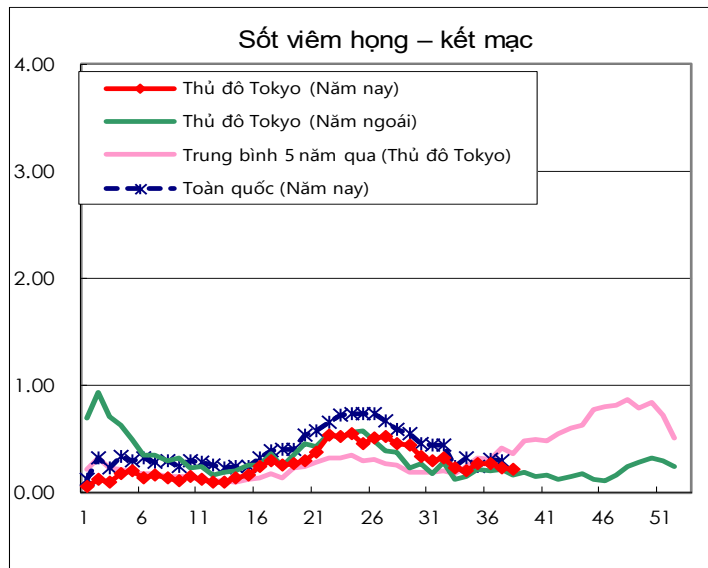
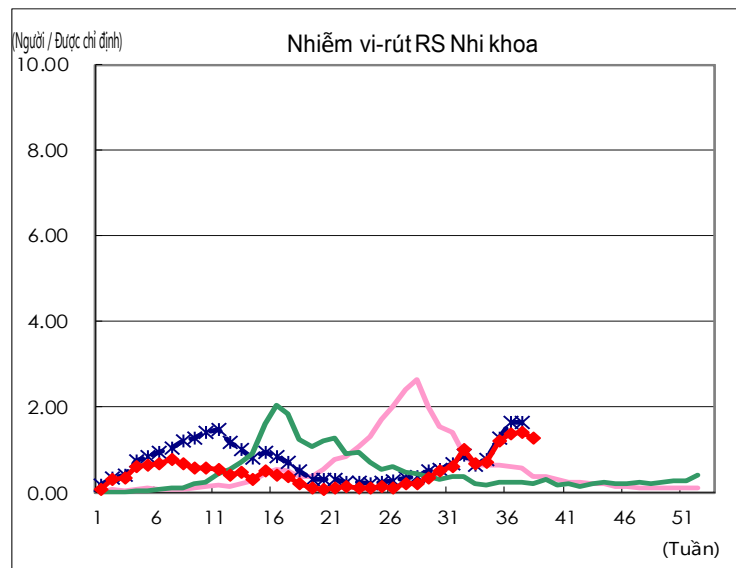
thể loại	Bệnh tật	Diseases	Tokyo				
			Tuần 35	Tuần 36	Tuần 37	Tuần 38	Tích lũy năm 2025
V	Bệnh lỵ Amip	Amebiasis	2	3	2	1	69
	Viêm gan vi-rút (trừ kiểu A, kiểu E)	Viral hepatitis (excluding hepatitis A and E)	1	1	3		45
	CRE infection	CRE infection	1	2	3		101
	Acute Flaccid Paralysis (excluding Acute poliomyelitis)	Acute Flaccid Paralysis (excluding Acute poliomyelitis)					1
	Viêm não cấp tính	Acute encephalitis (excluding JE and WNE)	1		1		26
	Bệnh Cryptosporidiosis	Cryptosporidiosis		1			5
	Bệnh bò điên Creutzfeldt-Jakob	Creutzfeldt-Jakob disease				1	8
	Nhiễm liên cầu khuẩn tan huyết ác tính	Severe invasive streptococcal infections (TSLs)	1	2	2		105
	Hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS)	Acquired immunodeficiency syndrome (AIDS)	5	8	9	2	193
	Bệnh đường ruột do trùng roi Giardia	Giardiasis					13
	Bệnh nhiễm khuẩn Haemophilus influenza xâm lấn	Invasive <i>Haemophilus influenzae</i> disease	1	2		1	56
	Bệnh nhiễm khuẩn cầu màng não xâm lấn	Invasive meningococcal disease				1	13
	Nhiễm khuẩn cầu viêm phổi xâm lấn	Invasive pneumococcal disease	1	4	3	2	292
	Thủy đậu (Giới hạn trường hợp nhập viện)	Varicella (limited to hospitalized case)	3	1	4	2	81
	Hội chứng Rubella bẩm sinh	Congenital rubella syndrome					
	Giang mai	Syphilis	59	68	59	67	2,616
	Nhiễm nấm Cryptococcosis	Disseminated cryptococcosis			2		16
	Uốn ván	Tetanus					6
	Nhiễm tụ cầu vàng kháng Vancomycin	Vancomycin-resistant <i>S. aureus</i> infection					
	Nhiễm cầu trùng khuẩn kháng Vancomycin	Vancomycin-resistant Enterococcus infection		1			8
	Ho gà	Pertussis	240	213	172	128	6,004
	Rubella	Rubella					2
	Sởi	Measles		1			30
	Nhiễm khuẩn Acinetobacter kháng thuốc	MDRA infection			1		2

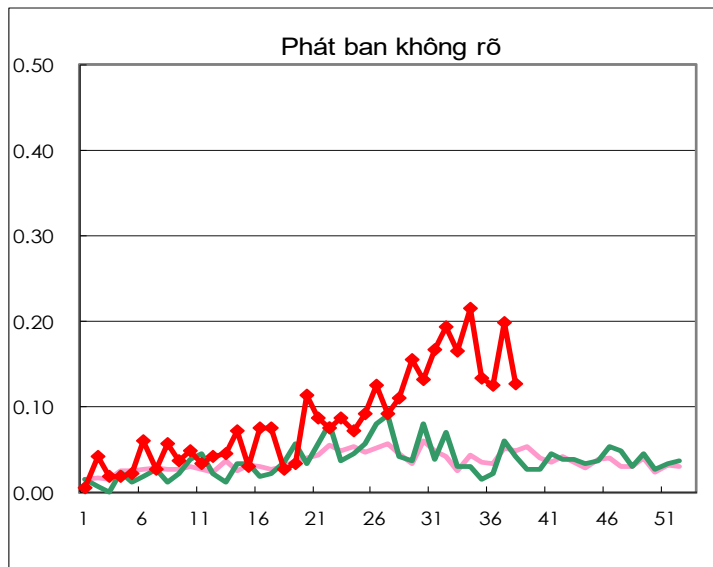
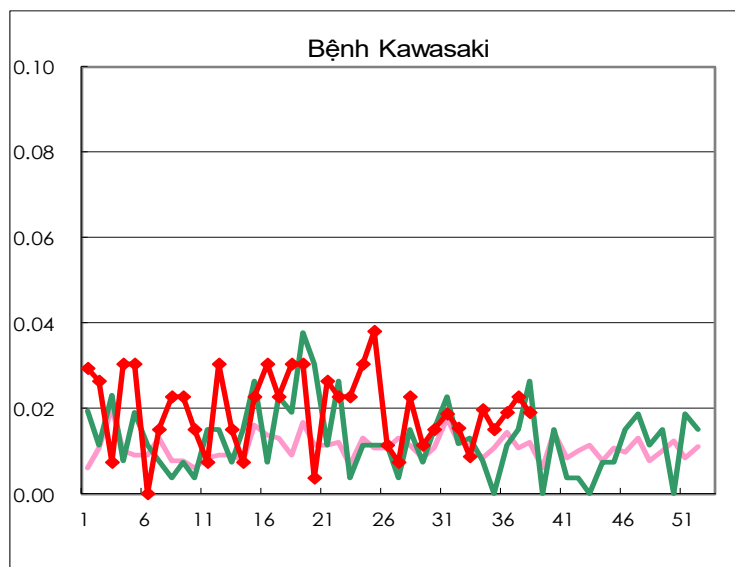
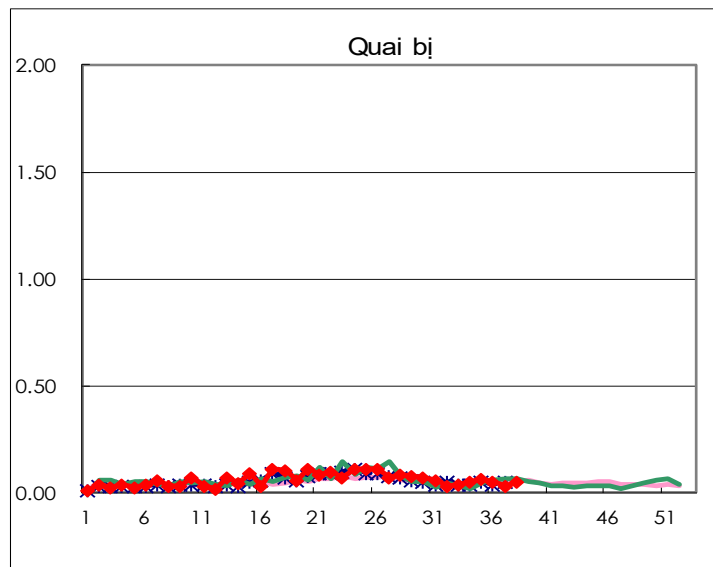
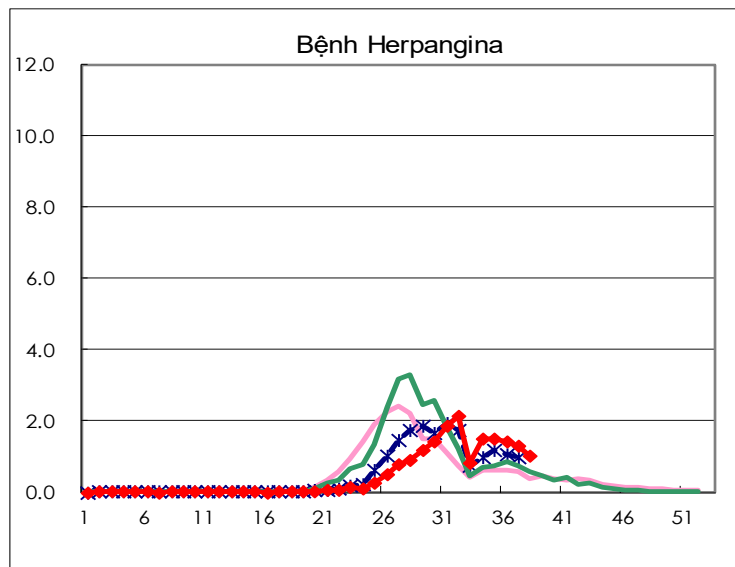
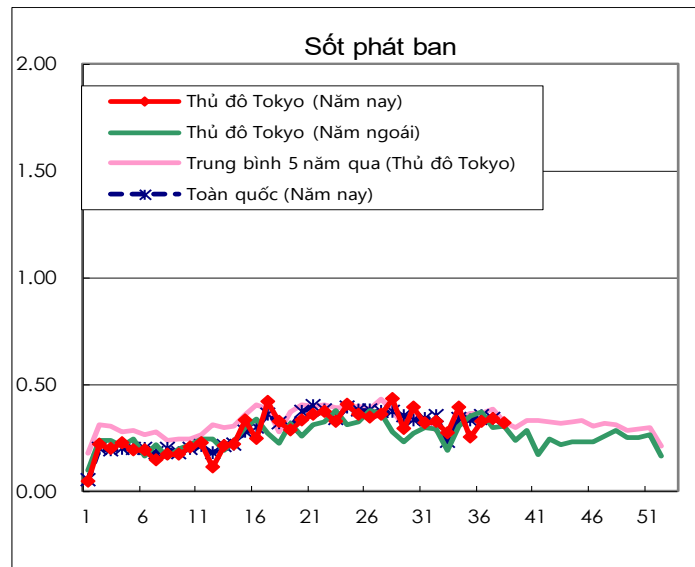
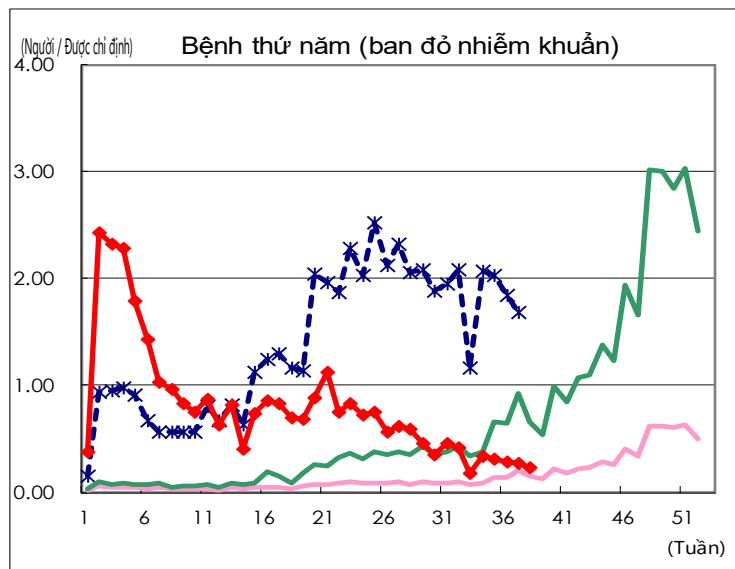
Số báo cáo bệnh đối tượng nắm rõ cơ quan y tế được chỉ định

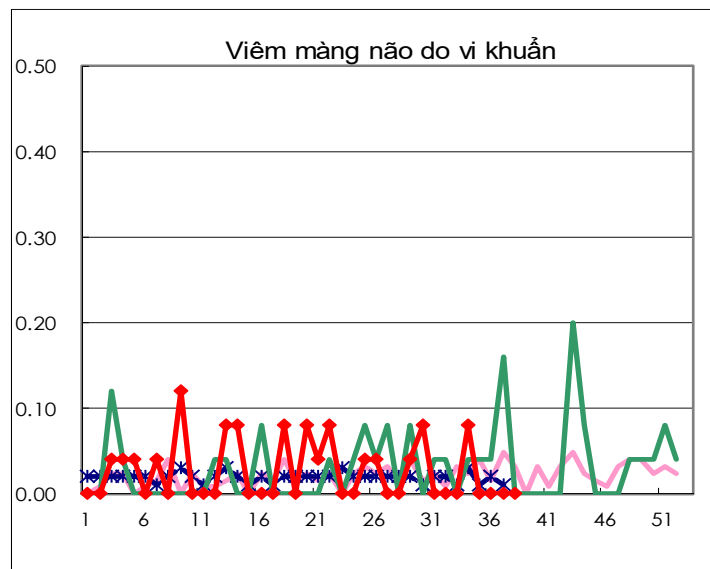
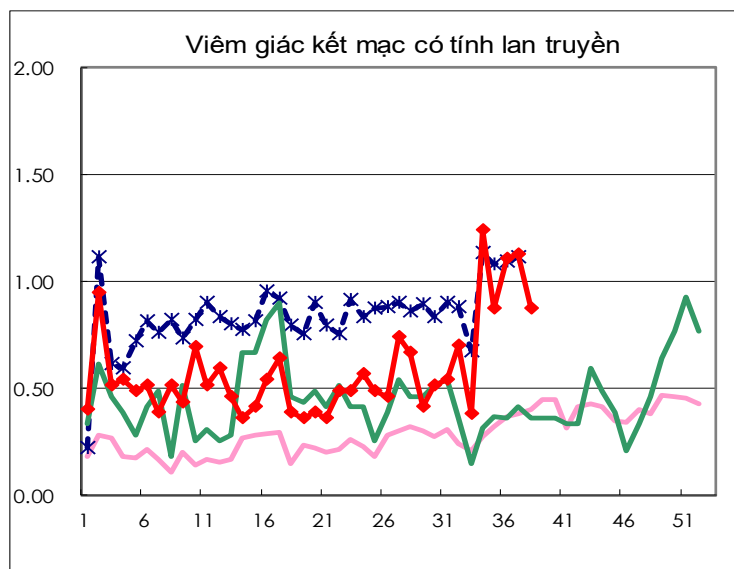
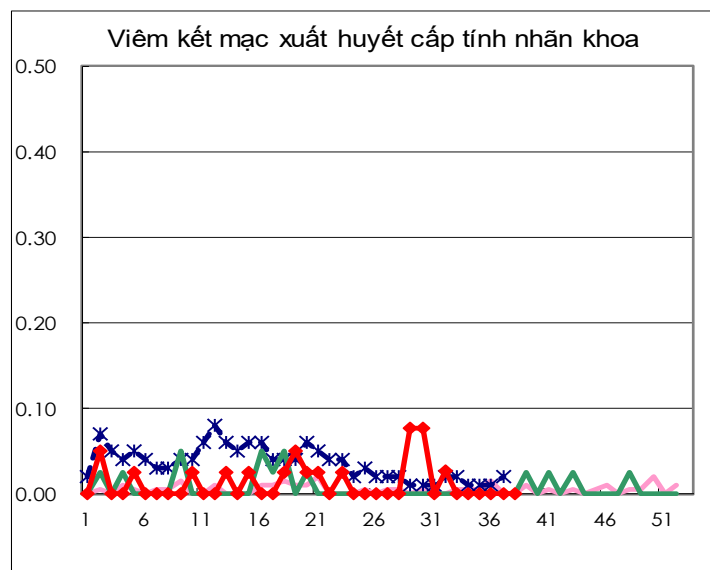
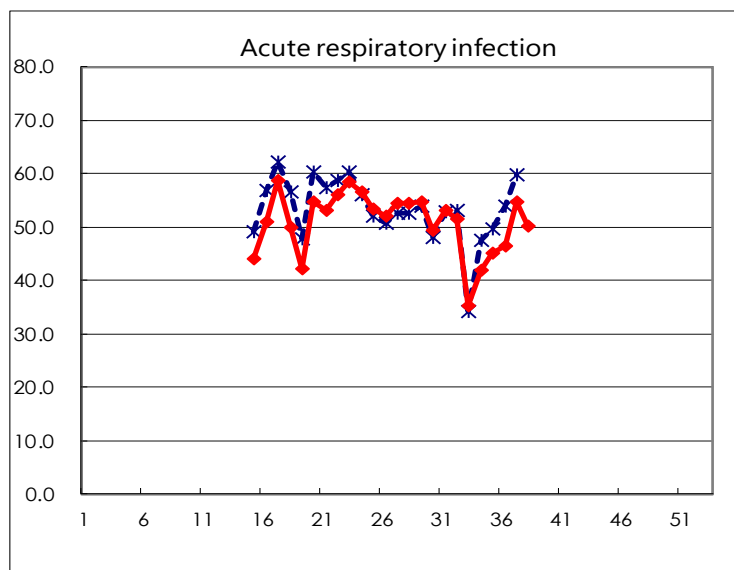
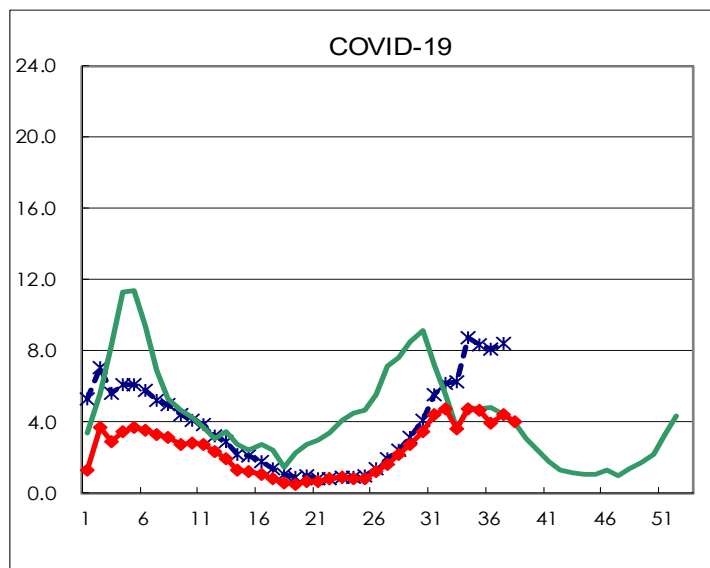
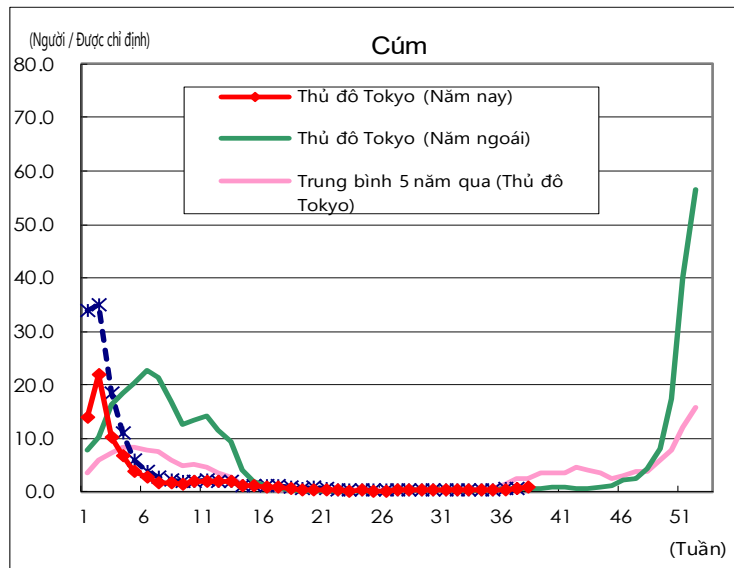
Bệnh tật	Diseases	Tokyo				
		Tuần 35	Tuần 36	Tuần 37	Tuần 38	Mỗi sentinel
Nhiễm vi-rút RS Nhi khoa	Respiratory syncytial virus infection	317	359	375	332	1.27
Sốt viêm họng – kết mạc	Pharyngoconjunctival fever	70	71	61	56	0.21
Viêm họng liên cầu khuẩn tan huyết nhóm A	Group A streptococcal pharyngitis	404	441	494	350	1.34
Viêm dạ dày ruột nhiễm trùng	Infectious gastroenteritis	1,126	1,280	1,381	1,159	4.44
Thủy đậu	Chickenpox	67	60	37	62	0.24
Bệnh tay chân miệng	Hand, foot, and mouth disease	150	156	154	127	0.49
Bệnh thứ năm (ban đỏ nhiễm khuẩn)	Erythema infectiosum	83	76	73	62	0.24
Sốt phát ban	Exanthem subitum	67	86	90	83	0.32
Bệnh Herpangina	Herpangina	397	370	345	262	1.00
Quai bị	Mumps	18	13	9	14	0.05
Bệnh Kawasaki	Kawasaki disease	4	5	6	5	0.02
Phát ban không rõ	Cold with exanthems	35	33	52	33	0.13
Cúm	Influenza	99	161	278	416	1.00
COVID-19	COVID-19	1,930	1,664	1,852	1,688	4.06
Acute respiratory infection	Acute Respiratory Infection	18,771	19,468	22,834	20,863	50.15
Viêm kết mạc xuất huyết cấp tính nhãn khoa	Acute hemorrhagic conjunctivitis					
Viêm giác kết mạc có tính lan truyền	Epidemic keratoconjunctivitis	34	43	44	34	0.87
Viêm màng não do vi khuẩn	Bacterial meningitis					
Viêm màng não vô trùng	Aseptic meningitis			1	1	0.04
Viêm phổi do Mycoplasma	Mycoplasma pneumonia	9	16	13	11	0.44
Viêm phổi do Chlamydia (trừ bệnh vi-rút vệt)	Chlamydial pneumonia (excluding psittacosis)		2	2		
Viêm dạ dày ruột nhiễm trùng (vi-rút Rota)	Infectious gastroenteritis (only by Rotavirus)	1			1	0.04
Nhập viện vì cúm	Influenza-Associated Hospitalizations	4	2	5	7	0.28
COVID-19-Associated Hospitalizations	COVID-19-Associated Hospitalizations	90	71	64	82	3.28

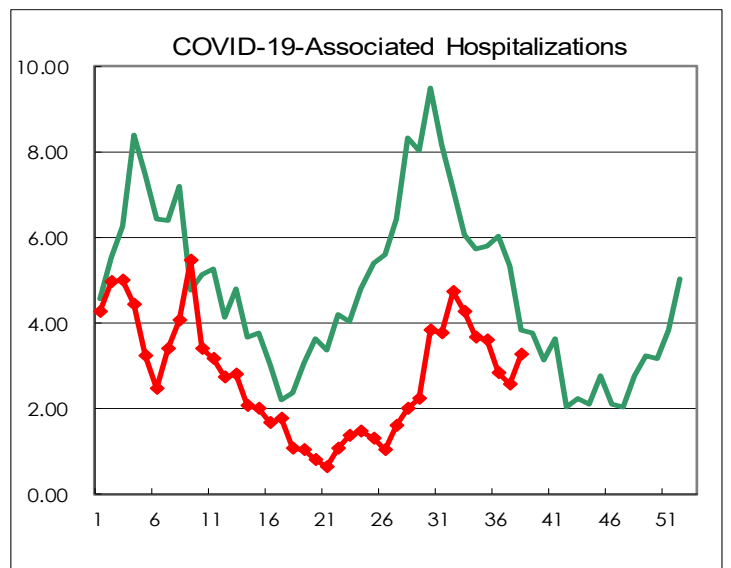
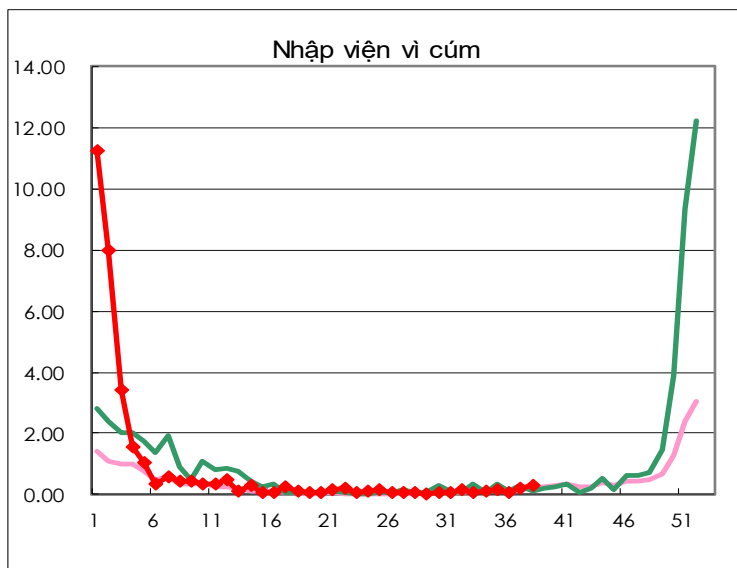
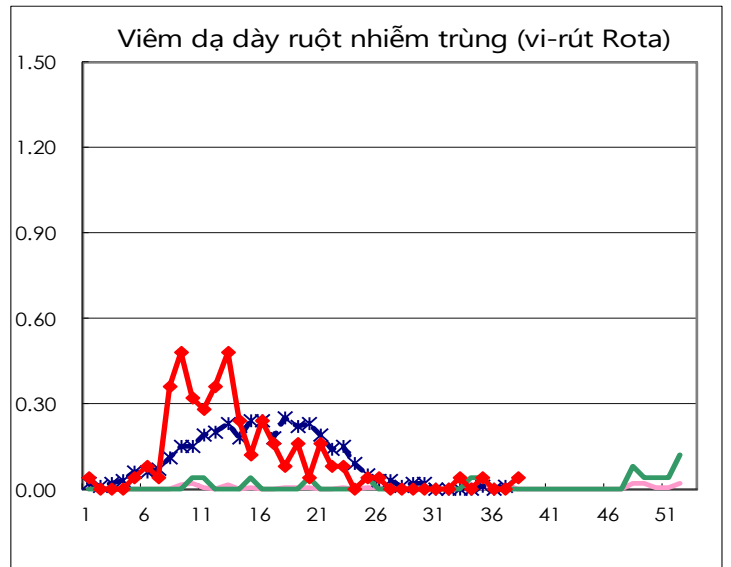
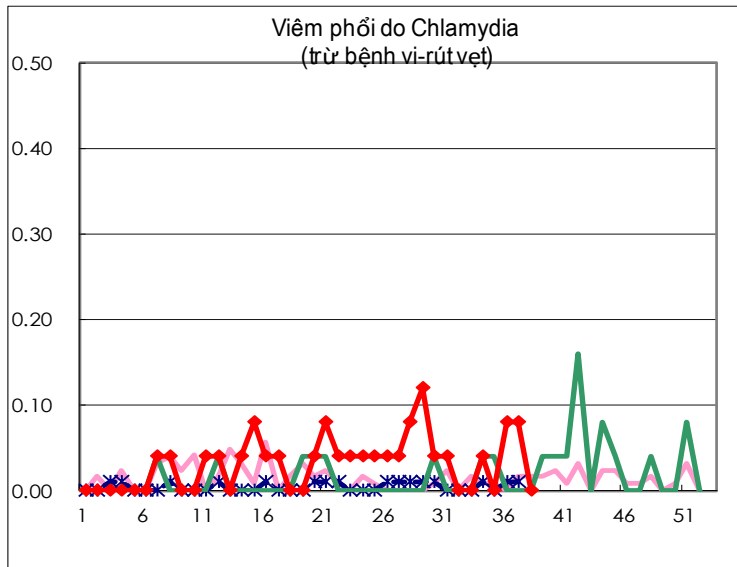
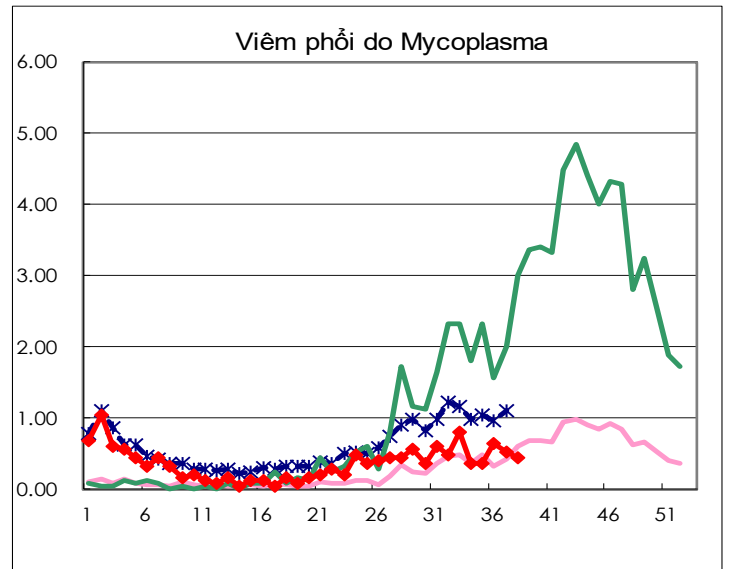
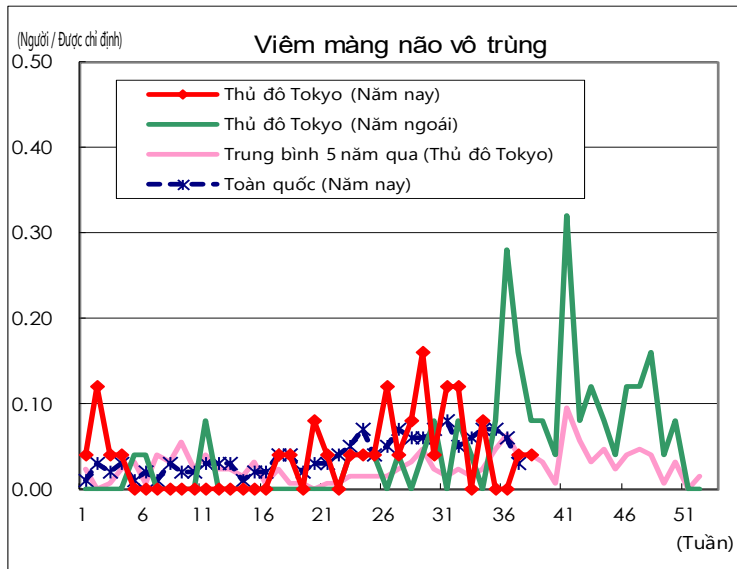
(Trống là 0)

Số lượng báo cáo bệnh đối tượng cần nắm rõ được chỉ định tương ứng với cơ quan y tế được chỉ định









Số lượng cơ sở giám sát cho báo cáo hàng tuần		
Các loại hàng hải	Số cơ quan y tế được chỉ định	Số cơ quan y tế báo cáo
Nhi khoa	264	261
Acute respiratory infection	419	416
Nhãn khoa	39	39
Được đặc biệt	25	25